

Số: 1686 /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 06 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân,
tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng được hợp nhất tại Văn bản số 02/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù.

Căn cứ Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11/3/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Tân về việc thông qua đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng Tờ trình số 1416/TTr-SXD ngày 20/5/2022, Báo cáo thẩm định số 1380/BCTĐ-SXD ngày 18/5/2022 và Công văn số 1807/SXD-QHĐT ngày 20/6/2022; tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2297/VP-XD ngày 01/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đến năm 2030, định hướng đến năm 2040 với các nội dung chính như sau:

1. Lý do và mục tiêu của đồ án quy hoạch

1.1. Lý do lập đồ án quy hoạch:

Huyện Phú Tân nằm trong hành lang ven biển Tây (Vịnh Thái Lan), là vùng chiến lược phát triển kinh tế biển của tỉnh Cà Mau. Theo tuyến hành lang này, thị trấn Cái Đôi Vàm là đô thị ven biển Tây, liên kết với các đô thị quan trọng khác dọc theo tuyến đường đê biển Tây như: thị trấn Sông Đốc, khu dân cư cửa Đá Bạc, cửa Khánh Hội. Theo kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021, xác định đô thị Cái Đôi Vàm sẽ đạt tiêu chí đô thị loại IV vào giai đoạn 2021 - 2025.

Để thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác và phát huy thế mạnh của địa phương, quản lý, khai thác không gian đô thị - nông thôn, không gian phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, du lịch... gắn với việc gìn giữ các giá trị sinh thái và nhân văn, đáp ứng các tiêu chí huyện nông thôn mới thì việc lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau đến năm 2030 định hướng đến 2040 là rất cần thiết và cấp bách, tạo điều kiện thuận lợi để Phú Tân trở thành huyện nông thôn mới của tỉnh Cà Mau trong thời gian tới.

1.2. Mục tiêu đồ án quy hoạch:

Quy hoạch vùng huyện Phú Tân theo các tiêu chí của huyện nông thôn mới, xác định thực trạng và các nhiệm vụ cần hoàn thiện theo các tiêu chí huyện nông thôn mới.

Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của huyện đề ra trong mối quan hệ với vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

Xác định cơ sở pháp lý cho việc quản lý xây dựng, lập các quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và kêu gọi đầu tư trên địa bàn huyện.

2. Phạm vi, ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch

2.1. Phạm vi: Phạm vi nghiên cứu quy hoạch vùng huyện Phú Tân là địa giới hành chính huyện bao gồm: Thị trấn Cái Đôi Vàm và 8 xã: Nguyễn Việt Khái, Phú Mỹ, Phú Tân, Phú Thuận, Rạch Chèo, Tân Hải, Tân Hưng Tây, Việt Thắng.

2.2. Ranh giới:

- Phía Đông giáp: Huyện Cái Nước.
- Phía Tây giáp: Biển Tây.

- Phía Nam giáp: Huyện Năm Căn.
- Phía Bắc giáp: Huyện Trần Văn Thời.

2.3. Diện tích: 448,19 Km²; dân số 97.639 người; mật độ 218,0 người/Km².

2.4. Thời hạn lập quy hoạch: Đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

3. Tính chất vùng huyện

- Là vùng chiến lược phát triển kinh tế biển phía Tây của tỉnh Cà Mau, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy Quốc gia với biển Tây. Là trung tâm đánh bắt, chế biến thủy hải sản, dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Phát triển các ngành nghề đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, các ngành công nghiệp phụ trợ (nước đá, lưới...), các ngành nghề truyền thống; phát triển công nghiệp khai thác nguồn năng lượng tái tạo điện gió ven biển.

- Phát triển chuỗi du lịch sinh thái Đầm Thị Tường gắn liền với di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước và Di tích Hải Yến - Bình Hưng; du lịch cộng đồng theo rừng ngập mặn ven biển.

4. Tiềm năng và động lực phát triển vùng

- Vị trí chiến lược địa chính trị - kinh tế: Vùng huyện Phú Tân có vị trí địa lý quan trọng trong Tiểu vùng kinh tế biển Tây, có ý nghĩa về chính trị, quốc phòng an ninh; là huyện duyên hải tiếp giáp Vịnh Thái Lan, khu vực cửa ngõ giao thương và đầu mối giao thông thủy Quốc gia với biển Tây, có vùng đánh bắt nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Đầu mối hạ tầng kỹ thuật: Tuyến đê biển Tây và tuyến đường bộ ven biển kết hợp với các tuyến đường tỉnh, đường huyện tạo thành mạng lưới giao thông của toàn vùng.

- Tài nguyên tự nhiên - nhân văn: Gồm tài nguyên về đất đai, các di tích lịch sử trong các cuộc kháng chiến, các ngành dịch vụ du lịch và nguồn nhân lực.

5. Các chỉ tiêu, dự báo phát triển vùng

5.1. Dự báo quy mô dân số và tỷ lệ đô thị hóa:

Hạng mục	Hiện trạng năm 2021	Giai đoạn năm 2025	Giai đoạn năm 2030	Giai đoạn năm 2040
Dân số (người)	97.639	90.000 - 105.000	120.000 - 130.000	150.000 - 160.000
Tỷ lệ đô thị hoá (%)	23,3	32	60	65

5.2. Chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Đến năm 2030	Đến năm 2040
1	Dân số toàn huyện (hiện trạng năm 2021 là 97.639 người)	người	130.000	160.000
2	Tỷ lệ đô thị hóa	%	60	65
3	Chỉ tiêu về đất đai			
3.1	Đất xây dựng đô thị	m ² /người	70 - 100	50 - 80
3.2	Đất xây dựng dân cư nông thôn	m ² /người	80 - 110	100 - 120

4	Chỉ tiêu cây xanh đô thị			
	Các đô thị	m ² /người	> 6	> 6
	Các điểm dân cư nông thôn	m ² /người	> 3	> 3
5	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật			
5.1	Giao thông			
	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD đô thị	18 - 25	18 - 25
5.2	Chỉ tiêu cấp điện			
	Các đô thị	KWh/người năm	1000	1000
	Các điểm dân cư nông thôn	KWh/người năm	600	600
	Công nghiệp	kW/ha	200	200
5.3	Chỉ tiêu cấp nước			
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	<i>Các đô thị</i>		120	120
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>		100	100
	Công nghiệp	m ³ /ha.ngày đêm	25 - 45	25 - 45
	Công cộng	%Qsh	10	10
5.4	Chỉ tiêu nước thải			
	Sinh hoạt (Qsh)	lít/người/ngày		
	<i>Các đô thị</i>		90 - 100	90 - 100
	<i>Các điểm dân cư nông thôn</i>		80	80
6	Chỉ tiêu về diện tích sàn nhà ở			
	Đô thị	m ² /người	30	30 - 35
	Nông thôn	m ² /người	20	25

6. Định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện

6.1. Mô hình phát triển vùng:

- Mô hình phát triển vùng huyện gồm: Cụm đô thị trung tâm thuộc thị trấn Cái Đôi Vàm và các đô thị mới, kết hợp với các khu dân cư tập trung, các tuyến dân cư theo hệ thống giao thông hoặc sông rạch thuộc các xã.

- Tổ chức thành 3 tiểu vùng phát triển gồm có:

+ Tiểu vùng 1: Tiểu vùng trung tâm đô thị - công nghiệp - lâm, ngư nghiệp.

+ Tiểu vùng 2: Tiểu vùng đô thị - dịch vụ du lịch phía Bắc.

+ Tiểu vùng 3: Tiểu vùng sản xuất nông nghiệp phía Đông Nam.

6.2. Cấu trúc không gian vùng:

Cấu trúc không gian vùng theo khung giao thông gồm: Trục hành lang kinh tế cấp Quốc gia, cấp tỉnh và cấp huyện.

7. Quy hoạch phát triển không gian vùng huyện

7.1. Tổ chức không gian các tiểu vùng phát triển kinh tế:

a) Tiểu vùng 1: Tiểu vùng trung tâm đô thị - công nghiệp - lâm, ngư nghiệp.

- Phạm vi ranh giới: Nằm ở phía Tây Nam của huyện gồm thị trấn Cái Đồi Vàm, Xã Nguyễn Việt Khái và xã Tân Hải.

- Quy mô diện tích khoảng 17.528,7 ha.

- Tính chất: Là tiểu vùng trung tâm phát triển đô thị của huyện, phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành nghề, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - nông nghiệp (nuôi trồng thủy hải sản, trồng và khai thác rừng sản xuất...), du lịch sinh thái...

- Tổ chức không gian tiểu vùng bao gồm: Đô thị trung tâm là thị trấn Cái Đồi Vàm và khu vực thuộc Xã Nguyễn Việt Khái tiếp giáp với sông Cái Đồi (trung tâm hành chính huyện hiện nay), mở rộng đô thị Cái Đồi Vàm về phía Đông hai bên bờ sông Cái Đồi. Phát triển không gian Cụm công nghiệp Phú Tân và cụm Tiểu thủ công nghiệp Phú Tân. Phát triển các ngành nghề sản xuất, chế biến tôm nguyên liệu, cơ khí sửa chữa, đóng tàu, công nghiệp hỗ trợ. Phát triển công nghiệp khai thác năng lượng tái tạo điện gió ven biển tại Xã Nguyễn Việt Khái. Tổ chức lại nghề khai thác biển gắn với dịch vụ hậu cần nghề biển, đội tàu khai thác, đánh bắt xa bờ; Bảo vệ và khai thác tốt nguồn lợi thủy sản ven bờ như cửa biển Mỹ Bình, Cái Cắm, Công Nghiệp, Cái Đồi Vàm, Sào Lưới, Gò Công. Khai thác có hiệu quả khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá Cái Đồi Vàm.

b) Tiểu vùng 2: Tiểu vùng đô thị - dịch vụ du lịch phía Bắc.

- Phạm vi ranh giới: Vị trí ở phía Bắc của huyện gồm các xã Phú Tân, xã Phú Mỹ và xã Phú Thuận.

- Quy mô diện tích khoảng 14.533 ha.

- Tính chất: Là tiểu vùng phát triển chuyên canh tác tôm với hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến và nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Tiểu vùng nằm tiếp giáp với Đầm Thị Tường và gắn liền với di tích khu Căn cứ Tỉnh ủy tại ấp Xẻo Đước thuận lợi phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng gắn liền với khu di tích lịch sử.

- Tổ chức không gian: Phát triển theo 02 hướng bao gồm:

+ Hướng kết nối từ thị trấn Cái Đồi Vàm - xã Phú Tân - xã Phú Mỹ theo tuyến đường liên xã dọc sông Cái Đồi.

+ Hướng kết nối xã Phú Tân - xã Phú Mỹ - xã Phú Thuận theo tuyến đường Cống Đá - Kênh Tư - Giáp Nước, kết nối từ Quốc lộ 1 về trung tâm xã Phú Mỹ.

- Trung tâm tiểu vùng về phát triển đô thị được xác định tại trung tâm xã Phú Tân, ngoài ra khu vực xã Phú Mỹ, Phú Thuận tiếp giáp Đầm Thị Tường được xác định là trung tâm phát triển dịch vụ - du lịch sinh thái của huyện. Các tuyến dân cư chủ yếu phát triển theo tuyến dọc theo đường giao thông và các tuyến sông rạch.

c) Tiểu vùng 3: Tiểu vùng sản xuất nông nghiệp phía Đông Nam

- Phạm vi ranh giới: Vị trí ở phía Đông Nam của huyện gồm xã Tân Hưng Tây, xã Việt Thắng và xã Rạch Chèo.

- Quy mô diện tích khoảng 12.988,1 ha.

- Tính chất: Là vùng sản xuất, nuôi trồng thủy sản với hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến và nuôi tôm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp...

- Tổ chức không gian: Không gian tiểu vùng phát triển theo 02 hướng bao gồm:

+ Hướng kết nối tiểu vùng 1 theo trục đường ĐT.986 nối liền từ Quốc lộ 1 ra đến đê biển Tây.

+ Hướng kết nối Xã Nguyễn Việt Khái - Rạch Chèo - Việt Thắng - Quốc lộ 1 theo tuyến bộ ven biển và đường đê Tây sông Bảy Háp.

- Trung tâm tiểu vùng 3 được xác định tại trung tâm xã Tân Hưng Tây. Các khu dân cư chủ yếu phát triển dọc theo các tuyến sông rạch, đường giao thông nội bộ và gắn với vùng sản xuất thủy sản.

7.2. Phân bố các vùng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

a) Cụm công nghiệp Phú Tân:

- Vị trí: Cụm công nghiệp Phú Tân nằm tại ngã ba kênh 90 và sông Cái Đôi đang được đầu tư xây dựng.

- Quy mô: Dự kiến mở rộng quy mô diện tích lên 70 ha.

- Ngành nghề hoạt động chủ yếu là chế biến, bảo quản thủy hải sản, sửa chữa, đóng tàu, dịch vụ hậu cần nghề cá, và các ngành nghề truyền thống khác.

b) Cụm Tiểu thủ công nghiệp Phú Tân:

- Vị trí: Khu vực tiểu thủ công nghiệp nằm ở phía Bắc sông Cái Đôi và tiếp giáp với đường đê biển Tây.

- Quy mô: Diện tích khoảng 20 ha.

- Ngành nghề hoạt động chủ yếu là khai thác đánh bắt thủy hải sản, các nghề truyền thống đan lưới...

- Sân phơi cá: Nằm ở hướng Bắc thuộc Khóm 5, thị trấn Cái Đôi Vàm bao gồm sân phơi cá và một số chức năng dịch vụ hậu cần nghề cá, đáp ứng nhu cầu chung của ngư dân trong thị trấn hiện nay.

Định hướng phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp, nạo vét cửa biển Cái Đôi Vàm; Xây dựng đội ngũ tàu cá, xây dựng hoàn thiện khu bến cá kết hợp khu vực neo đậu tàu thuyền tránh trú bão tại cửa biển Cái Đôi Vàm.

7.3. Phân bố vùng du lịch, cảnh quan và bảo tồn thiên nhiên:

- Khu du lịch sinh thái Đầm Thị Tường - Di tích Căn cứ Tỉnh ủy tại Xẻo Đước: Diện tích mặt nước Đầm khoảng hơn 700 ha. Hệ động thực vật rất đa dạng, phong phú tạo nên hệ sinh thái mang nét đặc thù riêng của vùng đất ngập nước tỉnh Cà Mau.

- Điểm du lịch khu Di tích Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng: Nằm trên bờ sông Cái Đôi thuộc ấp Thanh Đạm, xã Tân Hải, huyện Phú Tân có diện tích gần 30 ha. Đây là nơi ghi dấu tội ác Mỹ - Ngụy, giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ Phú Tân.

- Khai thác du lịch gắn với sản phẩm đặc thù: Hợp tác xã phát triển sản xuất các sản phẩm đặc trưng của huyện, các điểm du lịch cộng đồng, nuôi tôm sinh thái... Là những nơi được đánh giá có nhiều tiềm năng để phát triển sản xuất gắn với du lịch.

- Khai thác du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng: Theo hình thức “Home stay” kết hợp với các vùng nông thôn kết hợp sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là các khu vực nuôi trồng thủy hải sản.

- Bảo tồn và khai thác vùng dọc theo các sông rạch tự nhiên: Các khu vực dọc theo các tuyến sông rạch tự nhiên của huyện như sông Cái Đồi, kinh xáng Thọ Mai... đóng vai trò là cảnh quan tự nhiên gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp, là khu vực bảo tồn hệ sinh thái của địa phương.

7.4. Phân bố vùng nông nghiệp:

Phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, sinh thái, sạch, bền vững và có khả năng ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu, gồm 2 tiểu vùng phát triển nông nghiệp là tiểu vùng 2 và tiểu vùng 3.

8. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

8.1. Đô thị Cái Đồi Vàm

Dự báo dân số đến năm 2030 là 50.000 người, đến năm 2040 là 70.000 người. Đạt đô thị loại IV.

Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, dịch vụ, du lịch của huyện Phú Tân. Không gian phát triển đô thị thuộc địa bàn thị trấn Cái Đồi Vàm và mở rộng sang khu vực Xã Nguyễn Việt Khái. Khu đô thị trung tâm được phát triển từ khu đô thị hiện hữu của thị trấn Cái Đồi Vàm

8.2. Đô thị Phú Tân

Dự báo dân số đến năm 2030 là 5.000 người, đến năm 2040 là 7.000 người. Đã đạt đô thị loại V.

Là đô thị trung tâm cụm xã gồm xã Phú Tân, xã Phú Mỹ, xã Phú Thuận, cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội cho cụm 3 xã phía Bắc của huyện. Không gian phát triển tại ngã ba giao hội sông Cống Đá, sông Cái Đồi.

8.3. Đô thị Rạch Chèo

Dự báo dân số đến năm 2030 là 4.000 người, đến năm 2040 là 6.000 người. Định hướng đạt đô thị loại V.

Là đô thị chuyên ngành thương mại - dịch vụ, khai thác thủy hải sản và các dịch vụ hậu cần nghề biển. Không gian phát triển tại ngã ba giao hội của Kênh 90, sông Bảy Háp. Quy hoạch đầu tư xây dựng cầu qua sông Bảy Háp nối liền với xã Đất Mới, huyện Năm Căn rút ngắn quãng đường kết nối từ đô thị Năm Căn đến thị trấn Cái Đồi Vàm.

8.4. Đô thị Phú Thuận

Dự báo dân số đến năm 2030 là 4.000 người, đến năm 2040 là 6.000 người. Định hướng đạt đô thị loại V.

Là đô thị chuyên ngành thương mại - dịch vụ, sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Không gian phát triển tại ngã ba giao hội kênh xáng Thọ Mai và sông Vàm Đĩnh

8.5. Đô thị Tân Hưng Tây:

Dự báo dân số đến năm 2030 là 4.000 người, đến năm 2040 là 6.000 người. Đạt đô thị loại V giai đoạn sau năm 2030.

Là đô thị trung tâm cụm xã tiểu vùng 3, cung cấp dịch vụ hạ tầng xã hội cho cụm 3 xã phía Đông Nam của huyện. Không gian phát triển tại ngã ba sông Cống Mới và sông Cái Bát.

8.6. Đô thị Việt Thắng

Dự báo dân số đến năm 2030 là 4.000 người, đến năm 2040 là 6.000 người. Đạt đô thị loại V giai đoạn sau năm 2030.

Là khu dân cư đô thị phía Nam của huyện. Không gian phát triển tại ngã ba giao hội Kênh Ba và sông Bàu Châu.

9. Định hướng phát triển các điểm dân cư nông thôn

Hoàn thiện quy hoạch chung và quy hoạch chi tiết cho các xã và định kỳ rà soát, cập nhật điều chỉnh phù hợp với thực trạng phát triển kinh tế xã hội của xã.

Dân cư nông thôn sẽ có sự dịch chuyển vào các khu đô thị khi nhu cầu đô thị hóa và nhu cầu phát triển sản xuất phi nông nghiệp tăng cao. Dân số nông thôn dự kiến đến giai đoạn đến năm 2030 là 59.000 người và giai đoạn đến năm 2040 là 49.000 người.

Các trung tâm xã và điểm dân cư nông thôn bố trí các công trình hạ tầng xã hội như: trụ sở Ủy ban nhân dân xã, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, nhà văn hóa, sân thể thao, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, bưu điện xã... khuyến khích xã hội hóa các công trình hạ tầng dịch vụ.

10. Tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội và dịch vụ

10.1. Định hướng phát triển thương mại dịch vụ

- Trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng: Quản lý và khai thác hiệu quả chợ nông sản thực phẩm Cái Đôi Vàm đã được đầu tư xây dựng. Đầu tư xây dựng trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng theo quy hoạch, đặt tại trung tâm thị trấn Cái Đôi Vàm, tiếp giáp trục đường ĐT.986, có chức năng dịch vụ thương mại, tài chính, ngân hàng, hội chợ, hội nghị, giao lưu tiếp thị, là nơi tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại cho đô thị.

- Công trình dịch vụ thương mại khu vực, tiểu vùng: Phát triển hệ thống chợ xã và chợ khu vực trên địa bàn huyện, có kế hoạch chỉnh trang, nâng cấp các chợ xã hiện có và xây dựng mới đối với các khu vực chưa có chợ. Phát triển các điểm kinh doanh dịch vụ quy mô vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể góp phần tạo nên mạng lưới thương mại dịch vụ đa dạng phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế của huyện.

10.2. Định hướng phát triển giáo dục, đào tạo vùng

Sắp xếp mạng lưới, hệ thống trường và các điểm trường học theo hướng giảm số điểm trường lẻ. Mạng lưới trường học phân bố phù hợp theo định hướng quy hoạch xã nông thôn mới được phê duyệt cho các xã trên địa bàn huyện.

- Đối với cấp tiểu học: Duy trì thường xuyên tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường đạt 100%. Hầu hết học sinh tiểu học được học 1 buổi/ngày.

- Trung học cơ sở: Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị, đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, tăng tỷ lệ giáo viên trên chuẩn.

- Trung học phổ thông: Nâng cấp và xây dựng mới theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành, các trang thiết bị và nâng cao chất lượng giảng dạy. Đến năm 2025, huyện Phú Tân phải đạt chuẩn Quốc gia 2/3 trường để đạt tiêu chí huyện nông thôn mới.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đủ để đáp ứng đổi mới chương trình giáo dục phổ thông đạt hiệu quả.

10.3. Định hướng phát triển văn hóa - thể dục thể thao vùng

- Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp huyện theo quy hoạch được duyệt.

- Cải tạo nâng cấp trung tâm văn hóa - thể thao các xã, khuyến khích phát triển các cơ sở sinh hoạt, câu lạc bộ tại các cụm dân cư, cụm công nghiệp.

- Xây dựng các khu công viên, lâm viên cảnh quan đô thị theo quy hoạch được duyệt. Kêu gọi xã hội hóa nhằm xây dựng các sân chơi thể thao ở khu vực trung tâm huyện, trung tâm các xã và cụm công nghiệp trên địa bàn. Trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho các trường học.

10.4. Định hướng phát triển y tế vùng

- Nâng cấp và mở rộng Trung tâm y tế với chức năng là trung tâm chuyên ngành y tế cấp vùng huyện.

- Kêu gọi xã hội hóa nhằm phát triển hệ thống các phòng khám đa khoa khu vực; nâng cấp các trạm y tế tại các xã; bổ sung hoàn chỉnh trang thiết bị y tế đảm bảo 100% các trạm y tế đạt tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Y tế; khuyến khích phát triển mạng lưới y học cổ truyền.

11. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng

11.1. Hệ thống giao thông

a) Hệ thống đường bộ:

Đường Trung ương quản lý gồm: Đường Đê Biển Tây đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, mặt đường rộng 7m, nền 9m, hành lang bảo vệ đường mỗi bên là 10m. Đường bộ ven biển đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, mặt đường rộng 6,5m, nền 9m, hành lang bảo vệ mỗi bên là 10m.

- Đường tỉnh gồm: ĐT.986 (đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đôi Vàm) quy hoạch mở rộng đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, mặt đường 7m, nền 12m, lộ giới quy hoạch 45m. ĐT.987 (Đường Đê Tây sông Bảy Háp) quy hoạch mở rộng đạt tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng, mặt đường 7m, nền 9m, lộ giới quy hoạch 32m.

- Đường huyện gồm các tuyến đường ĐH.42, ĐH.43, ĐH.44, ĐH.45, ĐH.46, ĐH.47, ĐH.48, ĐH.49, ĐH.50B, ĐH.40B, ĐH.41B, ĐH.42B, ĐH. 43B, ĐH.44B, ĐH.45B, ĐH.46B, ĐH.47B, ĐH.48B, ĐH.49B quy mô đạt tiêu chuẩn cấp IV mặt đường 7m, nền đường 9m, lộ giới quy hoạch 30m.

- Đường giao thông nông thôn: Nâng cấp, mở mới theo tiêu chí nông thôn mới, quy mô các tuyến đường GTNT phải đạt từ cấp C trở lên, nền đường rộng từ 3-5m, được bê tông hóa.

- Đường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống đường đô thị theo quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Cái Đôi Vàm, đô thị Phú Tân đã phê duyệt.

b) Cảng, bến bãi:

- Quy hoạch 01 bến cá kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão tại cửa biển Cái Đôi Vàm thuộc thị trấn Cái Đôi Vàm.

- Bến tàu khách Phú Tân: Giữ nguyên quy mô hiện trạng bến xe buýt kết hợp bến tàu tại thị trấn Cái Đôi Vàm

- Bến xe khách liên huyện: Bến xe khách Cái Đôi Vàm được xây dựng trên tuyến đường ĐT.986 gần trung tâm thị trấn Cái Đôi Vàm.

c) Hệ thống giao thông đường thủy:

Các tuyến sông do tỉnh quản lý bao gồm:

- Sông Bảy Háp là đoạn nối liền sông Bảy Háp - Gành Hào (là tuyến đường thủy do Trung ương quản lý); điểm đầu là ngã ba Đầm Cùng, điểm cuối là cửa Gò Công dài 17km, tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp III.

- Kênh Thị Kẹo - Cái Đôi Vàm: Điểm đầu tại ngã ba Phong Điền, điểm cuối tại cửa Cái Đôi Vàm, tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp IV.

- Sông Bàu Châu: Điểm đầu ngã ba Vàm Đình, điểm cuối tại ngã ba Đầm Cùng, tiêu chuẩn đường thủy nội địa cấp IV.

- Hệ thống sông kênh vận tải do huyện quản lý: Quy hoạch cải tạo luồng tuyến duy trì đạt tiêu chuẩn cấp V.

11.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) Cao độ nền xây dựng:

- Xây dựng hệ thống cao độ nền xây dựng phù hợp với điều kiện tự nhiên, theo các quy hoạch xây dựng tỉnh Cà Mau, các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt, đảm bảo tránh bị ngập lụt do mưa lũ, triều cường và tạo điều kiện thoát nước tốt cho đô thị.

- Quy hoạch cao độ nền cho các đô thị và khu dân cư tập trung trên địa bàn huyện Phú Tân là $H_{xd} \geq +2,35m$ (cao độ cụ thể sẽ được chọn phù hợp khi lập quy hoạch xây dựng cho từng khu dân cư, khu đô thị).

- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ quốc gia.

b) Hệ thống thoát nước mặt:

- Các khu dân cư tập trung xây dựng hệ thống thoát nước riêng. Nước mưa được thu gom và thoát trực tiếp ra kênh rạch. Đối với các điểm cư nhỏ lẻ, tuyến dân cư phân tán xây dựng hệ thống thoát nước chung giữa nước thải và nước mưa nhưng nước thải phải được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại.

- Từng bước hoàn thiện hệ thống kênh, đê, cống, trạm bơm và các công trình thủy lợi ứng phó biến đổi khí hậu, công trình phòng chống xâm nhập mặn, các công trình đảm bảo tiêu thoát nước.

11.3. Hệ thống cấp nước

Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện đến năm 2030 là $Q=21.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; đến năm 2040 là $Q=26.000 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

Nguồn nước: Giai đoạn ngắn hạn đến 2025 tiếp tục sử dụng nguồn nước ngầm, bằng các trạm cấp nước cục bộ. Giai đoạn 2030 bổ sung thêm nguồn nước mặt từ nhà máy nước vùng đồng bằng sông Cửu Long đưa về.

Với các điểm dân cư phân tán nằm xa các trục đường, xây dựng các bể chứa tập trung và sử dụng nước ngầm cục bộ theo quy mô hộ gia đình. Các công trình cấp nước cần phải có các giải pháp kỹ thuật, khoảng cách bảo vệ nguồn nước theo đúng quy định.

11.4. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải: Tổng lượng nước thải đến năm 2030 là $Q=16.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm và đến năm 2040 là $Q=20.800 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm.

Đối với khu vực đô thị, công nghiệp tập trung, bắt buộc xây dựng hệ thống thoát nước riêng; xây dựng các cơ sở xử lý nước thải trước khi thoát ra môi trường. Đối với các điểm dân cư nông thôn, nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ bằng hầm tự hoại sẽ được thoát chung với hệ thống thoát nước mưa.

Các khu vực trang trại, chăn nuôi tập trung nguồn thải phải xử lý theo tiêu chuẩn và quy định của tỉnh về bảo vệ an toàn môi trường, triệt để khai thác nguồn thải vào các mục đích tái tạo khác.

b) Quản lý chất thải rắn: Tổng lượng chất thải rắn khoảng 108 tấn/ngày. Xây dựng cơ sở xử lý và trạm trung chuyển chất thải rắn tại thị trấn Cái Đồi Vàm và các đô thị mới để tập kết rác vận chuyển về nhà máy xử lý tập trung. Khuyến khích phát triển bãi xử lý chất thải rắn gắn với vườn ươm cây xanh tạo nên vành đai xanh bảo vệ môi trường.

c) Nghĩa trang nhân dân: Từng bước đóng cửa và di dời các nghĩa trang nhỏ lẻ không đảm bảo về khoảng cách môi trường do gần các khu dân cư. Tiếp tục sử dụng nghĩa trang tập trung tại Khóm 5, thị trấn Cái Đồi Vàm và cần đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Đầu tư xây dựng một số nghĩa trang tập trung với quy mô 3 - 5 ha (theo Quy hoạch nông thôn mới và theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh). Nhu cầu diện tích cho nghĩa trang nhân dân cần 7,2 ha đến năm 2040, với tiêu chuẩn 0,6 ha/10.000 dân. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng; kêu gọi đầu tư xây dựng các lò điện táng hiện đại.

11.5. Hệ thống cấp điện

- Phụ tải điện: Chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng đô thị huyện Phú Tân là 1.000 kWh/người/năm (330W/người), chỉ tiêu cấp điện cho công cộng khu vực đô thị (tính bằng % phụ tải điện) là 30%. Chỉ tiêu cấp điện cho sinh hoạt dân dụng nông thôn huyện Phú Tân là 500 kWh/người/năm (167 W/người). Chỉ tiêu

cấp điện cho công cộng khu vực nông thôn (tính bằng % phụ tải điện) là 20%. Đất công nghiệp và cụm công nghiệp là 250kW/ha.

- Nguồn điện: Cấp điện từ nguồn điện lưới Quốc gia qua các tuyến 22kV chính, xuất tuyến từ trạm biến áp 110/22kV Tân Hưng Tây - 40MVA với 4 phát tuyến trung thế cung cấp cho huyện. Các trạm biến áp 110/22kV và các trạm biến áp khác được xây dựng theo các đề án đã phê duyệt để phục vụ cho nhu cầu về điện năng cho huyện. Khai thác các dự án điện gió đã được phê duyệt bổ sung nguồn cung cấp điện cho tỉnh và huyện.

- Lưới điện: Tuyến cao thế 110kV có hành lang bảo vệ lưới điện 16m. Tuyến trung thế có điện áp chuẩn 22kV, 3 pha, thiết kế mạch vòng, vận hành hở, khu vực dân cư mật độ thấp, lưới điện được thiết kế hình tia. Trạm hạ thế hợp bộ và nhà trạm, trụ thép sử dụng cho các khu dân cư mới, khu trung tâm đô thị. Trạm trên cột và trạm giàn: sử dụng cho các cụm dân cư nông thôn, các khu vực ngoại thị đồng bộ với lưới điện trên không. Lưới điện hạ thế 380/220V, 3 pha 4 dây, trung tính nối đất.

11.6. Hệ thống hạ tầng viễn thông

- Nhu cầu đến năm 2030 là 25.000 thuê bao (không tính thuê bao truyền hình cáp hoặc truyền hình số). Giai đoạn năm từ 2030 đến năm 2040 các dịch vụ thông tin được tích hợp đồng bộ.

- Mạng điện thoại:

+ Các điểm chuyển mạch tại các trung tâm xã... sẽ được thay thế và nâng cấp bằng các thiết bị mới băng rộng và thiết bị công đa phương tiện với dung lượng từ 5.000 lines đến 10.000 lines.

+ Xây dựng mới các điểm truy nhập thuê bao tại các khu đô thị mới, khu công nghiệp với dung lượng từ 1.000 lines đến 5.000 lines.

+ Kết nối các điểm chuyển mạch trên là các tuyến cáp quang nâng cấp và xây dựng mới dung lượng 48/96/144fo trên các trục đường chính.

- Phát triển mạng truyền hình cung cấp dịch vụ truyền hình qua mạng cáp truyền hình hoặc đầu thu sóng. Cáp truyền hình sử dụng chung hạ tầng mạng cáp điện thoại.

- Phát triển mạng ngoại vi ở các khu đô thị, khu công nghiệp và các khu dân cư nông thôn đảm bảo nhu cầu kết nối thông tin viễn thông.

12. Đánh giá tác động môi trường

Phát triển kinh tế xã hội, đô thị hóa đi đôi với bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững; kế hoạch bảo vệ môi trường gồm:

- Phát triển đô thị gắn liền với xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các khu dân cư, khu đô thị tránh tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát môi trường tại các cụm công nghiệp, khu vực phát triển du lịch, các dự án phát triển dân cư phải có đầy đủ các giải pháp bảo vệ môi trường theo quy định, tăng cường giám sát kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng chương trình quan trắc, bố trí các điểm quan trắc môi trường nước tại các vị trí nguồn tiếp nhận nước thải trên kênh, rạch, môi trường đất, môi trường không khí tại các khu vực trọng điểm.

- Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với vùng bảo tồn, hạn chế phát triển, vùng dân cư đô thị, cụm công nghiệp, du lịch, vành đai xanh, khu cây xanh công cộng, vùng nông thôn...

13. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn thực hiện

13.1 Các dự án ưu tiên

- Tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ với kết cấu hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, cấp tỉnh, đẩy nhanh quá trình hình thành các đô thị trên địa bàn vùng huyện.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh các đồ án quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn cho phù hợp với định hướng quy hoạch vùng.

- Lập đề án công nhận các đô thị loại V dự kiến như Phú Thuận, Rạch Chèo, Tân Hưng Tây, Việt Thắng theo từng giai đoạn phù hợp với thực tế phát triển và định hướng quy hoạch vùng huyện.

- Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và có chính sách kêu gọi các doanh nghiệp vào hoạt động sản xuất.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển đô thị, khu du lịch, phát triển nông thôn, ưu tiên đầu tư cho khu vực trung tâm (tiểu vùng 1).

- Về hạ tầng xã hội: Đầu tư hệ thống trường học đạt chuẩn, các thiết chế văn hóa nông thôn và các công trình dịch vụ thương mại trên địa bàn.

13.2 Nguồn vốn đầu tư

Nguồn từ ngân sách và nguồn vốn từ huy động các thành phần kinh tế.

14. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch vùng huyện

Được ban hành kèm theo đồ án là các quy định cụ thể về nguyên tắc phát triển, việc quản lý, kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan khu vực đô thị và nông thôn, khu chức năng khác... trong phạm vi đồ án quy hoạch vùng huyện Phú Tân đến năm 2030, định hướng đến năm 2040.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch vùng huyện được phê duyệt theo quy định pháp luật.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, cập nhật bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với nội dung của đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng kế hoạch để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

2. Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng, phối hợp hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân quản lý quy hoạch xây dựng khu vực đô thị, nông thôn, các khu vực trọng điểm theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý.

3. Các sở, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, thực hiện nhiệm vụ được phân công, có trách nhiệm hướng dẫn, tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân triển khai và cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Sở Xây dựng (5b);
- UBND huyện Phú Tân (5b);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KT, NN-TN;
- Phòng QH-XD (Bn 3/30);
- Lưu: VT, Ktr398/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Văn Bi